

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 631/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 9 - 2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Trần Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thanh H, sinh năm: 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 103 Ngô Gia T, thành phố Q, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 20, KV4, phường N, thành phố Q, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn số 64 ngày 22/7/2007 tại UBND phường N, Tp. Q, tỉnh B, tự nguyện có tình cảm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến tháng 6/2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, nợ nần không lo làm ăn và còn ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không nghe mà vẫn tiếp tục ăn chơi và còn đánh đập chị nữa. Đến tháng 4/2021 mâu thuẫn gay gắt và vợ chồng tự sống ly thân đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa. Chị quyết định xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là: Phạm Hồng Kiều D, sinh ngày: 02/4/2008. Sức khỏe cháu bình thường, hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 22/6/2021 bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H đã khai. Anh và chị Trương Thị Thanh H đăng ký kết hôn số 64 ngày 22/7/2007 tại UBND phường N, Tp. Q, tỉnh B, tự nguyện có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường và có sự mâu thuẫn nên chị H làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là: Phạm Hồng Kiều D, sinh ngày: 02/4/2008. Sức khỏe cháu bình thường, hiện nay đang ở với chị H. Khi ly hôn anh đồng ý chị H nuôi dưỡng cháu D. Về việc cấp dưỡng nuôi con thì anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Thanh H ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về nuôi con chung:

+ Giao con chung: Phạm Hồng Kiều D, sinh ngày: 02/4/2008 cho chị Trương Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Trương Thị Thanh H - là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh Phạm Văn T - là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Thanh H và anh Phạm Văn T là hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn anh T vì tình cảm vợ chồng không còn là do anh T không lo làm ăn mà còn ham chơi cờ bạc nợ nần và ngoại tình. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ động viên anh T nhưng anh T không nghe mà còn đánh chị nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và tự sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn anh T. Còn bị đơn anh T tại bản khai ngày 22/6/2021 anh đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa tiến hành hòa giải thì anh T cố tình vắng mặt không đến Tòa.

Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh T có 01 con chung là: Phạm Hồng Kiều D, sinh ngày: 02/4/2008, sức khỏe bình thường và hiện nay đang ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu được nuôi cháu D. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa giải quyết. Tại bản khai ngày 22/6/2021 anh T khai đồng ý chị H nuôi cháu D và anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Tòa đã triệu tập họp lệ chị H và anh T đến Tòa hòa giải nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt.

Xét thấy: Hiện nay cháu Phạm Hồng Kiều D đang ở ổn định với chị H và có nguyện vọng muốn ở với chị H. Hơn nữa cháu D vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu D, do đó yêu cầu nuôi con của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị H và anh T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Trương Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Thanh H ly hôn anh Phạm Văn T.
2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung: Phạm Hồng Kiều D, sinh ngày: 02/4/2008 cho chị Trương Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.
- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản..

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Thanh H phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0002653 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTP.Q;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương